

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0107998006

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 17 tháng 07 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SD TRUONG THANH JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: SD TRUONG THANH ., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Ku Kê, Xã Hàm Thuận, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 02422434448

Số Fax:

Thư điện tử: sdtruongthanh@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: **ĐỖ VĂN HẢI** Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1993 Ngày: 26-12-2025 Quyền số: SCT/BS Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân:

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc:



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Trần Võ Hải Bình

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

Quyển 2/2



HelioEnergy

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/07/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 557/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 12 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 31/12/2025 tại:

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Trụ sở chính: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 226 3333

Website: <https://helioenergy.vn>

II. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT VIỆT

Trụ sở chính: Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028. 6255 6586

Fax: 028. 6255 6580

Website: <https://www.vfs.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông **Bùi Tuấn Dương**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Số điện thoại: 08 33 99 1616

BẢN SAO

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần SD Trường Thành

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2017, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ bảy được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận ngày 7 tháng 9 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đức Mạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2023
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2023
Ông Đào Xuân Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023
Ông Đào Đức Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2023
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Xuân Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023
Ông Tăng Minh Vương	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023
Ông Phan Thành Đạt	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Xuân Hải	Giám đốc	Từ ngày 30 tháng 8 năm 2023
Ông Tăng Minh Vương	Giám đốc	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 8 năm 2023
Ông Phan Thành Đạt	Giám đốc	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 3 tháng 1 năm 2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã tuân thủ các quy định về mức và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Đào Xuân Hải
Giám đốc

Bình Thuận, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2024

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

CÔNG CHỨNG VIÊN

Khuất Thanh Lê



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5000
ey.com/vn

Số tham chiếu: 13587242/68002137

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 2 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 22 tháng 12 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0816-2023-004-1

L02

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		126.806.237.218	149.903.417.744
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.454.972.952	3.005.885.987
111	1. Tiền		2.158.972.952	3.005.885.987
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.296.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	39.814.360.000	5.200.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		39.814.360.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.000.869.275	78.859.656.172
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	23.815.536.599	13.844.918.978
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	3.847.756.587	333.212.169
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	51.736.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	337.576.089	12.945.525.025
140	IV. Hàng tồn kho		87.949.034	55.774.279
141	1. Hàng tồn kho		87.949.034	55.774.279
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	9	48.448.085.957	62.782.101.306
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		688.375.276	1.697.594.883
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		47.759.710.681	61.084.506.423
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		756.839.381.666	869.310.604.928
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	144.978.558.700
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	144.978.558.700
220	II. Tài sản cố định	10	656.105.968.688	700.409.415.602
221	1. Tài sản cố định hữu hình		656.105.968.688	700.409.415.602
222	Nguyên giá		885.687.572.857	883.683.440.534
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(229.581.604.169)	(183.274.024.932)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	76.600.000.000	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.890.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		70.710.000.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác	9	24.133.412.978	23.922.630.626
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		24.133.412.978	23.922.630.626
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		883.645.618.884	1.019.214.022.672

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		529.611.776.431	611.735.688.833
310	I. Nợ ngắn hạn		86.361.776.431	87.485.688.833
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.060.663.471	1.879.992.672
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.102.675.972	75.093.725
314	3. Phải trả người lao động		263.471.333	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	934.965.655	4.530.602.436
320	5. Vay ngắn hạn	15	81.000.000.000	81.000.000.000
330	II. Nợ dài hạn		443.250.000.000	524.250.000.000
338	1. Vay dài hạn	15	443.250.000.000	524.250.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		354.033.842.453	407.478.333.839
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	354.033.842.453	407.478.333.839
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		54.033.842.453	107.478.333.839
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.478.333.839	59.380.564.921
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		46.555.508.614	48.097.768.918
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		883.645.618.884	1.019.214.022.672


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Đào Xuân Hải
Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.1	155.395.986.045	157.187.732.141
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	17.1	155.395.986.045	157.187.732.141
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	1	59.580.942.646	58.020.827.255
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		95.815.043.399	99.166.904.886
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	3.692.385.587	220.130.198
22	7. Chi phí tài chính	19	46.595.184.273	49.333.874.234
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	19	46.595.184.273	49.333.874.234
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.285.238.210	2.039.013.202
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		49.627.006.503	48.014.147.648
31	10. Thu nhập khác		120.928.372	670.545.265
32	11. Chi phí khác		137.614.293	547.381.069
40	12. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(16.685.921)	123.164.196
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		49.610.320.582	48.137.311.844
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	3.054.811.968	39.542.926
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		46.555.508.614	48.097.768.918


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Đào Xuân Hải
Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.610.320.582	48.137.311.844
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	11	46.307.579.237	47.523.295.272
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.692.385.587)	(220.130.198)
06	Chi phí lãi vay	19	46.595.184.273	49.333.874.234
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		138.820.698.505	144.774.351.152
09	Giảm các khoản phải thu		12.248.417.524	23.177.990.707
10	Tăng hàng tồn kho		(32.174.755)	(55.774.279)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(4.211.554.468)	3.244.641.272
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		798.437.255	(4.337.105.465)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(39.814.360.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(46.562.354.175)	(48.582.483.784)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		61.247.109.886	118.221.619.603
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.004.132.323)	(2.767.222.222)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(59.525.000.000)	(102.944.291.583)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		261.439.558.700	69.557.330.891
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(76.600.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.891.550.702	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		127.201.977.079	(36.154.182.914)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(81.000.000.000)	(81.175.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(100.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(181.000.000.000)	(81.175.000.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.449.086.965	892.436.689
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		3.005.885.987	2.113.449.298
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	10.454.972.952	3.005.885.987



Trần Thị Thu Thủy
Người lập



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Đào Xuân Hải
Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2017, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ bảy được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận ngày 7 tháng 9 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 21 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 17).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 49 năm
Máy móc, thiết bị	15 - 20 năm
Phương tiện vận tải	7 năm
Tài sản cố định khác	6 - 10 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với UBND tỉnh Bình Thuận theo hợp đồng thuê đất số 130/QĐ-UBND vào ngày 15 tháng 1 năm 2019 trong thời hạn 49 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị chứng khoán kinh doanh

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên biên bản xác nhận lượng điện giao nhận giữa Công ty và Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi:

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	2.158.972.952	3.005.796.987
Tiền đang chuyển	-	89.000
Các khoản tương đương tiền (*)	8.296.000.000	-
TỔNG CỘNG	10.454.972.952	3.005.885.987

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 2 tháng và hưởng lãi suất 2,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu (i)	18.948.380.000	-
Chứng chỉ quỹ (ii)	20.865.980.000	-
TỔNG CỘNG	39.814.360.000	-

(i) Chi tiết các khoản đầu tư cổ phiếu như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm		Số đầu năm
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	18.948.380.000	21.780.000.000	-
TỔNG CỘNG	18.948.380.000	21.780.000.000	-

(ii) Đây là khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber, có giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.893.103.485 VND.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	23.815.536.599	13.844.918.978
TỔNG CỘNG	23.815.536.599	13.844.918.978

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Năng lượng Oscar	3.335.008.418	-
Trả trước cho người bán khác	512.748.169	333.212.169
TỔNG CỘNG	3.847.756.587	333.212.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn (*)		
Ông Lê Quang Huy	-	7.500.000.000
Ông Phạm Trung Kiên	-	27.651.000.000
Ông Cao Xuân Thành	-	16.585.000.000
TỔNG CỘNG	-	51.736.000.000
Dài hạn (**)		
Bà Hoàng Minh Ngọc	-	75.794.000.000
Ông Nguyễn Duy Hiền	-	43.315.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng MCD Việt Nam	-	25.869.558.700
TỔNG CỘNG	-	144.978.558.700

(*) Các khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm cho vay, với lãi suất 6,5%/năm.

(**) Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ thời điểm cho vay, với lãi suất từ 0% - 6,5%/năm. Trong năm 2023, Công ty đã thu hồi trước hạn các khoản cho vay này.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	336.303.278	6.684.687.099
Phải thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	1.272.811	200.437.926
Phải thu khác với bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	6.060.400.000
TỔNG CỘNG	337.576.089	12.945.525.025

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	406.586.203	446.546.320
Công cụ, dụng cụ	31.187.311	51.504.552
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.601.762	1.199.544.011
TỔNG CỘNG	688.375.276	1.697.594.883
Dài hạn		
Tiền thuê đất	12.451.536.020	12.451.536.020
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	11.064.923.295	11.313.108.483
Công cụ, dụng cụ	71.315.163	150.786.123
Chi phí trả trước dài hạn khác	545.638.500	7.200.000
TỔNG CỘNG	24.133.412.978	23.922.630.626

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	232.452.274.639	650.454.707.187	664.207.000	112.251.708		883.683.440.534
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.377.777.778	626.354.545	-	-		2.004.132.323
Số dư cuối năm	233.830.052.417	651.081.061.732	664.207.000	112.251.708		885.687.572.857
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số dư đầu năm	46.811.291.941	136.025.222.718	395.616.372	41.893.901		183.274.024.932
- Khấu hao trong năm	10.589.331.108	35.595.124.168	94.886.712	28.237.249		46.307.579.237
Số dư cuối năm	57.400.623.049	171.620.346.886	490.503.084	70.131.150		229.581.604.169
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	185.640.982.698	514.429.484.469	268.590.628	70.357.807		700.409.415.602
Số dư cuối năm	176.429.429.368	479.460.714.846	173.703.916	42.120.558		656.105.968.688

Toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản cố định khác được dùng là tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH Hòa Phong Quảng Trị (i)	3.035.000.000	-	(*)	-	-	(*)
Công ty TNHH Hòa Sơn Lữ (ii)	2.855.000.000	-	(*)	-	-	(*)
TỔNG CỘNG	5.890.000.000	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty khác						
Công ty Cổ phần Điện gió Hường Linh 2 (iii)	70.710.000.000	-	(*)	-	-	(*)
TỔNG CỘNG	70.710.000.000	-	-	-	-	-

(i) Công ty TNHH Hòa Phong Quảng Trị được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200709543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp vào ngày 22 tháng 6 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại số nhà 54/4 Bà Huyện Thanh Quan, khu phố Phương Gia, Phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động chính của Công ty TNHH Hòa Phong Quảng Trị là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 30% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty TNHH Hòa Sơn Lữ được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200709991 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp vào ngày 29 tháng 6 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại số nhà 54/4 Bà Huyện Thanh Quan, khu phố Phương Gia, Phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động chính của Công ty TNHH Hòa Sơn Lữ là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 30% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

(iii) Công ty Cổ phần Điện gió Hường Linh 2 được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200650561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp vào ngày 25 tháng 12 năm 2017. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Cooc, xã Hường Linh, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Điện gió Hường Linh là sản xuất điện từ năng lượng gió. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 19% phần vốn chủ sở hữu trong công ty này.

(*) Công ty chưa thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty được đầu tư không phải là công ty cổ phần hoặc cổ phiếu của các công ty cổ phần được đầu tư chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Điện lực Bình Thuận	578.513.471	578.513.471	581.497.551	581.497.551
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng SD Việt Nam	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật PQT	194.400.000	194.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn năng lượng VREC	-	-	548.655.120	548.655.120
Phải trả người bán khác	87.750.000	87.750.000	549.840.001	549.840.001
TỔNG CỘNG	1.060.663.471	1.060.663.471	1.879.992.672	1.879.992.672

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 22)	39.542.926	3.054.811.968	-	3.094.354.894
Thuế giá trị gia tăng	-	14.398.305.838	(14.398.305.838)	-
Thuế thu nhập cá nhân	35.550.799	539.696.511	(566.926.232)	8.321.078
Thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	75.093.725	17.996.814.317	(14.969.232.070)	3.102.675.972

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	784.220.548	751.390.450
Chi phí giải phóng mặt bằng	-	3.469.923.318
Chi phí phải trả khác	150.745.107	309.288.668
TỔNG CỘNG	934.965.655	4.530.602.436

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị						
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	81.000.000.000	81.000.000.000	81.000.000.000	(81.000.000.000)	81.000.000.000	81.000.000.000	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	524.250.000.000	524.250.000.000	-	(81.000.000.000)	443.250.000.000	443.250.000.000	
TỔNG CỘNG	605.250.000.000	605.250.000.000	81.000.000.000	(162.000.000.000)	524.250.000.000	524.250.000.000	

Chi tiết các khoản vay từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Thời hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	524.250.000.000	Gốc vay được thanh toán hàng tháng, với lãi thanh toán cuối cùng vào tháng 6 năm 2031. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,5% - 9,1%	- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2; - Toàn bộ máy móc, thiết bị và các bất động sản khác thuộc dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2; - Quyền tài sản phát sinh từ dự án; và - 60% cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành.
TỔNG CỘNG	524.250.000.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn	443.250.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	81.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	300.000.000.000	59.380.564.921	359.380.564.921
Lợi nhuận thuần trong năm	-	48.097.768.918	48.097.768.918
Số cuối năm	300.000.000.000	107.478.333.839	407.478.333.839
Năm nay			
Số đầu năm	300.000.000.000	107.478.333.839	407.478.333.839
Lợi nhuận thuần trong năm	-	46.555.508.614	46.555.508.614
Chia cổ tức (*)	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Số cuối năm	300.000.000.000	54.033.842.453	354.033.842.453

(*) Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày 10 tháng 6 năm 2023.

16.2 Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Vốn cổ phần đã góp
	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp VND	% sở hữu	VND
Ông Đào Xuân Hải	75.000.000.000	25%	75.000.000.000
Ông Lê Đức Mạnh	120.000.000.000	40%	120.000.000.000
Ông Nguyễn Minh Hoàng	105.000.000.000	35%	105.000.000.000
TỔNG CỘNG	300.000.000.000	100%	300.000.000.000

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	155.395.986.045	157.187.732.141
TỔNG CỘNG	155.395.986.045	157.187.732.141

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.692.385.587	220.130.198
TỔNG CỘNG	3.692.385.587	220.130.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	3.878.767.537	3.820.393.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.212.692.525	47.428.408.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.001.454.351	5.155.788.437
Chi phí khác	2.488.028.233	1.616.236.448
TỔNG CỘNG	59.580.942.646	58.020.827.255

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	46.595.184.273	49.333.874.234
TỔNG CỘNG	46.595.184.273	49.333.874.234

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.080.882.813	857.010.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.886.712	94.886.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.646.334.995	178.106.852
Chi phí khác bằng tiền	463.133.690	909.008.806
TỔNG CỘNG	3.285.238.210	2.039.013.202

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	4.959.650.350	4.677.404.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.307.579.237	47.523.295.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.647.789.346	5.333.895.289
Chi phí khác	2.951.161.923	2.525.245.254
TỔNG CỘNG	62.866.180.856	60.059.840.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") 10% áp dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh điện trong vòng 15 năm kể từ thời điểm dự án bắt đầu hoạt động (là năm 2019). Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện. Hết thời hạn hưởng ưu đãi thuế, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN theo các quy định hiện hành. Theo đó, thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năm 2023 là 10% (năm 2022: miễn thuế).

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.054.811.968	39.542.926
TỔNG CỘNG	3.054.811.968	39.542.926

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.610.320.582	48.137.311.844
Thuế TNDN theo thuế suất 10% áp dụng cho Công ty	4.624.474.687	4.793.959.721
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	673.114.742	39.542.926
<i>Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	125.158.336	571.838.795
Chi phí không được khấu trừ khác	13.761.429	63.166.695
Chi phí thuế TNDN được miễn, giảm	(2.381.697.226)	(5.428.965.211)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.054.811.968	39.542.926

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ theo nghị định 132/2020/NĐ-CP sang kỳ tính thuế tiếp theo trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể khấu trừ đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ khi tính thuế	Đã khấu trừ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được khấu trừ	Chưa khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2022	2027	5.718.387.949	-	-	5.718.387.949
2023	2028	1.251.583.358	-	-	1.251.583.358
TỔNG CỘNG		6.969.971.307	-	-	6.969.971.307

Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các kỳ tài chính trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Quang Anh	Công ty có liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Công ty Cổ phần đầu tư Năng lượng Heli	Cổ đông lớn (đến ngày 26 tháng 12 năm 2023)
Quỹ Đầu tư Năng lượng AFM	Cổ đông lớn (đến ngày 12 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Đức Mạnh	Cổ đông lớn (từ ngày 26 tháng 12 năm 2023)/Chủ tịch HĐQT (từ ngày 27 tháng 12 năm 2023)
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Cổ đông lớn (từ ngày 26 tháng 12 năm 2023)/Thành viên HĐQT (từ ngày 27 tháng 12 năm 2023)
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)
Ông Đào Đức Anh	Thành viên HĐQT (đến ngày 27 tháng 12 năm 2023)
Ông Đào Xuân Hải	Thành viên HĐQT (từ ngày 31 tháng 8 năm 2023)/Giám đốc (từ ngày 30 tháng 8 năm 2023)
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT/Giám đốc (từ ngày 3 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 8 năm 2023)
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên HĐQT/Giám đốc (đến ngày 3 tháng 1 năm 2023)
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần đầu tư Năng lượng Heli	Chi trả cổ tức	60.000.000.000	-
Quỹ Đầu tư Năng lượng AFM	Chi trả cổ tức	32.000.000.000	-
Ông Hoàng Thế Anh	Chi trả cổ tức	4.750.000.000	-
Ông Đào Xuân Hải	Chi trả cổ tức	2.850.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo cơ sở hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Ông Phan Thành Đạt	Tạm ứng	-	6.060.400.000
TỔNG CỘNG		-	6.060.400.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính: VND		
	Năm nay	Năm trước
Ông Hoàng Thế Anh	307.800.000	420.150.300
Ông Đào Xuân Hải	73.778.095	-
Ông Tăng Minh Vương	56.450.000	-
Ông Phan Thành Đạt	-	75.000.000
TỔNG CỘNG	438.028.095	495.150.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty



Trần Thị Thu Thủy
Người lập



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Đào Xuân Hải
Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2024

BẢN SAO

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần SD Trường Thành

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2017, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ bảy được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận ngày 7 tháng 9 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đức Mạnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên
Ông Đào Xuân Hải	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Xuân Hải	Giám đốc
------------------	----------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đào Xuân Hải, Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đào Xuân Hải
Giám đốc

Bình Thuận, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 13587242/68437294

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

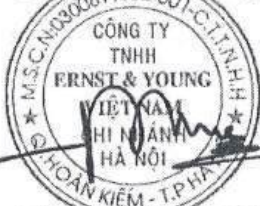


Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0816-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2.2.079-02/2025-SCT/BS

Ngày 26-12-2025

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



CÔNG CHỨNG VIÊN

Khuất Thanh Tú

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		209.861.468.450	126.806.237.218
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	15.478.033.680	10.454.972.952
111	1. Tiền		9.578.033.680	2.158.972.952
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.900.000.000	8.296.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		132.582.506.625	39.814.360.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	147.305.980.000	39.814.360.000
123	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5	(14.723.473.375)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.584.679.700	28.000.869.275
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	23.761.776.704	23.815.536.599
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		644.075.700	3.847.756.587
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		178.827.296	337.576.089
140	IV. Hàng tồn kho		229.684.725	87.949.034
141	1. Hàng tồn kho		229.684.725	87.949.034
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		36.986.563.720	48.448.085.957
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.522.522.818	688.375.276
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		35.464.040.902	47.759.710.681
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		635.729.953.529	756.839.381.666
220	I. Tài sản cố định		609.680.919.200	656.105.968.688
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	609.680.919.200	656.105.968.688
222	Nguyên giá		885.687.572.857	885.687.572.857
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(276.006.653.657)	(229.581.604.169)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	9	-	76.600.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	5.890.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	70.710.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		26.049.034.329	24.133.412.978
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	26.049.034.329	24.133.412.978
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		845.591.421.979	883.645.618.884

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		447.377.838.438	529.611.776.431
310	I. Nợ ngắn hạn		85.127.838.438	86.361.776.431
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		821.870.568	1.060.663.471
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.279.390.854	3.102.675.972
314	3. Phải trả người lao động		-	263.471.333
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	1.026.577.016	934.965.655
320	5. Vay ngắn hạn	12	81.000.000.000	81.000.000.000
330	II. Nợ dài hạn		362.250.000.000	443.250.000.000
338	1. Vay dài hạn	12	362.250.000.000	443.250.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		398.213.583.541	354.033.842.453
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	398.213.583.541	354.033.842.453
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.213.583.541	54.033.842.453
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.033.842.453	7.478.333.839
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		44.179.741.088	46.555.508.614
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		845.591.421.979	883.645.618.884


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Bình Thuận, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Đào Xuân Hải
Giám đốc

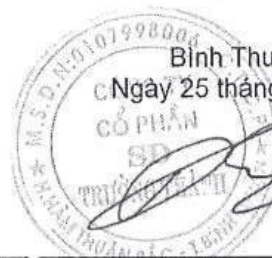
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.1	163.906.748.634	155.395.986.045
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	14.1	163.906.748.634	155.395.986.045
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	15	60.737.975.639	59.580.942.646
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		103.168.772.995	95.815.043.399
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	1.424.509.163	3.692.385.587
22	7. Chi phí tài chính	16	56.105.692.080	46.595.184.273
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		36.692.826.280	46.595.184.273
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	2.295.091.132	3.285.238.210
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		46.192.498.946	49.627.006.503
31	10. Thu nhập khác		392.986.436	120.928.372
32	11. Chi phí khác		160.465.708	137.614.293
40	12. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		232.520.728	(16.685.921)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		46.425.019.674	49.610.320.582
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	2.245.278.586	3.054.811.968
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		44.179.741.088	46.555.508.614

Trần Thị Thu Thủy
Người lập

Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Đào Xuân Hải
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.425.019.674	49.610.320.582
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình		46.425.049.488	46.307.579.237
03	Các khoản dự phòng		14.723.473.375	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.424.509.163)	(3.692.385.587)
06	Chi phí lãi vay	16	36.692.826.280	46.595.184.273
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		142.841.859.654	138.820.698.505
09	Giảm các khoản phải thu		15.715.586.543	12.248.417.524
10	Tăng hàng tồn kho		(141.735.691)	(32.174.755)
11	Giảm các khoản phải trả		(139.827.440)	(4.211.554.468)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.749.768.893)	798.437.255
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(101.601.620.000)	(39.814.360.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(36.937.860.525)	(46.562.354.175)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.094.354.894)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.892.278.754	61.247.109.886
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		-	(2.004.132.323)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(41.900.000.000)	(59.525.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		41.900.000.000	261.439.558.700
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(76.600.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		70.950.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.180.781.974	3.891.550.702
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		72.130.781.974	127.201.977.079
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(81.000.000.000)	(81.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		-	(100.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(81.000.000.000)	(181.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.023.060.728	7.449.086.965
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		10.454.972.952	3.005.885.987
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	15.478.033.680	10.454.972.952



Bình Thuận, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Thu Thủy
Người lập

Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Đào Xuân Hải
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 9 năm 2017, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ bảy được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận ngày 7 tháng 9 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 23 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 21).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 49 năm
Máy móc, thiết bị	15 - 20 năm
Phương tiện vận tải	7 năm
Tài sản cố định khác	6 - 10 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với UBND tỉnh Bình Thuận theo hợp đồng thuê đất số 130/QĐ-UBND vào ngày 15 tháng 1 năm 2019 trong thời hạn 49 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.12 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên biên bản xác nhận lượng điện giao nhận giữa Công ty và Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	710.109.000	-
Tiền gửi ngân hàng	8.867.924.680	2.158.972.952
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.900.000.000	8.296.000.000
TỔNG CỘNG	15.478.033.680	10.454.972.952

(*) Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 1,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2,3%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu (i)	-	18.948.380.000
Chứng chỉ quỹ (ii)	20.865.980.000	20.865.980.000
Các khoản đầu tư khác (iii)	126.440.000.000	-
TỔNG CỘNG	147.305.980.000	39.814.360.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (iii)	(14.723.473.375)	-

- (i) Số dư đầu năm là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt. Vào ngày 20 tháng 9 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư này với giá phí chuyển nhượng là 14.300.000.000 VND. Khoản chênh lệch giữa giá phí chuyển nhượng và giá gốc của khoản đầu tư đã được Công ty hạch toán vào chỉ tiêu Chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, như được trình bày tại Thuyết minh số 16.
- (ii) Đây là khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber, có giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo thông báo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber là 22.062.778.795 VND.
- (iii) Chi tiết các khoản đầu tư khác như sau:

	Số cuối năm	
	Giá gốc	Dự phòng
Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn khác		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	17.320.000.000	(967.487.493)
Công ty TNHH Alpha Solar 3	15.410.000.000	(1.093.129.540)
Công ty TNHH Omega Power 4	10.250.000.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 4	15.450.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 1	10.220.000.000	(287.124.432)
Công ty TNHH Hỏa Sơn Lữ	9.955.000.000	(583.838.181)
Công ty TNHH Hỏa Phong Quảng Trị	10.135.000.000	-
Công ty TNHH Ánh Dương Energy Hà Nội	5.500.000.000	(1.892.931.863)
Công ty TNHH Dương Thái Solar	5.450.000.000	(2.273.793.187)
Công ty TNHH Đầu tư Hoàng Dương Solar	4.000.000.000	(1.656.811.010)
Công ty TNHH Atlas Power 1	15.350.000.000	(2.107.910.874)
Công ty TNHH Đầu tư Phúc Xuân Solar	7.400.000.000	(3.860.446.795)
TỔNG CỘNG	126.440.000.000	(14.723.473.375)

Công ty đang nắm giữ 100% vốn điều lệ và quyền biểu quyết tại các công ty này, tuy nhiên theo Nghị quyết số 0208/2024/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty, thông qua chủ trương về việc đầu tư ngắn hạn vào các dự án điện mặt trời mái nhà, Công ty sẽ tìm kiếm các đối tác để thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư này trong ngắn hạn, vì vậy Công ty phân loại các khoản đầu tư này là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công ty chưa thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty được đầu tư không phải là công ty cổ phần niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	23.761.776.704	23.815.536.599
TỔNG CỘNG	<u>23.761.776.704</u>	<u>23.815.536.599</u>

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	386.043.726	406.586.203
Công cụ, dụng cụ	20.570.280	31.187.311
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.115.908.812	250.601.762
TỔNG CỘNG	<u>1.522.522.818</u>	<u>688.375.276</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất	12.451.536.020	12.451.536.020
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	10.816.738.107	11.064.923.295
Công cụ, dụng cụ	255.588.671	71.315.163
Chi phí sửa chữa lớn	1.714.721.785	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	810.449.746	545.638.500
TỔNG CỘNG	<u>26.049.034.329</u>	<u>24.133.412.978</u>

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	233.830.052.417	651.081.061.732	664.207.000	112.251.708	885.687.572.857
Số dư cuối năm	233.830.052.417	651.081.061.732	664.207.000	112.251.708	885.687.572.857
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	57.400.623.049	171.620.346.886	490.503.084	70.131.150	229.581.604.169
- Khấu hao trong năm	10.680.071.844	35.621.853.684	94.886.712	28.237.248	46.425.049.488
Số dư cuối năm	68.080.694.893	207.242.200.570	585.389.796	98.368.398	276.006.653.657
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	176.429.429.368	479.460.714.846	173.703.916	42.120.558	656.105.968.688
Số dư cuối năm	165.749.357.524	443.838.861.162	78.817.204	13.883.310	609.680.919.200

Toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản cố định khác được dùng là tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 12.

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty TNHH Hòa Phong Quảng Trị (i)	-	-	3.035.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Hòa Sơn Lữ (i)	-	-	2.855.000.000	-	(*)
TỔNG CỘNG	-	-	5.890.000.000	-	
Đầu tư vào công ty khác					
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2 (ii)	-	-	70.710.000.000	-	(*)
TỔNG CỘNG	-	-	70.710.000.000	-	

(i) Theo Nghị quyết số 0208/2024/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty, thông qua chủ trương về việc đầu tư ngắn hạn vào các dự án điện mặt trời mái nhà, Công ty đã thực hiện mua thêm phần vốn góp và sở hữu 100% vốn điều lệ của các công ty này. Công ty đã phân loại các khoản đầu tư này từ chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết sang chỉ tiêu Chứng khoán kinh doanh trên bảng cân đối kế toán.

(ii) Vào ngày 4 tháng 11 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2 với giá phí chuyển nhượng là 70.950.000.000 VND. Khoản chênh lệch giữa giá phí chuyển nhượng và giá gốc của khoản đầu tư đã được Công ty hạch toán vào chỉ tiêu Doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, như được trình bày tại Thuyết minh số 14.2.

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do các công ty được đầu tư không phải là công ty cổ phần hoặc cổ phiếu của các công ty cổ phần được đầu tư chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19)	3.094.354.894	2.245.278.586	(3.094.354.894)	2.245.278.586
Thuế giá trị gia tăng	-	13.442.215.612	(13.442.215.612)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.321.078	116.256.494	(90.465.304)	34.112.268
Thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	3.102.675.972	15.807.750.692	(16.631.035.810)	2.279.390.854

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	539.186.303	784.220.548
Chi phí phải trả khác	487.390.713	150.745.107
TỔNG CỘNG	1.026.577.016	934.965.655

Công ty Cổ phần SD Trường Thành

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VAY

	Đơn vị tính: VND					
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	81.000.000.000	81.000.000.000	81.000.000.000	(81.000.000.000)	81.000.000.000	81.000.000.000
Vay dài hạn	443.250.000.000	443.250.000.000	-	(81.000.000.000)	362.250.000.000	362.250.000.000
Vay ngân hàng	524.250.000.000	524.250.000.000	81.000.000.000	(162.000.000.000)	443.250.000.000	443.250.000.000
TỔNG CỘNG						

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm vay (VND)	Thời hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	443.250.000.000	Gốc vay được thanh toán hàng tháng, với lãi thanh toán cuối cùng vào tháng 6 năm 2031. Lãi vay được trả hàng tháng.	7,5% - 9,1%	- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2; - Toàn bộ máy móc, thiết bị và các bất động sản khác thuộc dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2; - Quyền tài sản phát sinh từ dự án; và - 60% cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

TỔNG CỘNG	443.250.000.000
Trong đó:	
Vay dài hạn	362.250.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	81.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	300.000.000.000	107.478.333.839	407.478.333.839
Lợi nhuận thuần trong năm	-	46.555.508.614	46.555.508.614
Chia cổ tức	-	(100.000.000.000)	(100.000.000.000)
Số cuối năm	<u>300.000.000.000</u>	<u>54.033.842.453</u>	<u>354.033.842.453</u>
Năm nay			
Số đầu năm	300.000.000.000	54.033.842.453	354.033.842.453
Lợi nhuận thuần trong năm	-	44.179.741.088	44.179.741.088
Số cuối năm	<u>300.000.000.000</u>	<u>98.213.583.541</u>	<u>398.213.583.541</u>

13.2 Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Vốn cổ phần đã góp
	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp VND	% sở hữu	VND
Ông Đào Xuân Hải	69.000.000.000	23%	69.000.000.000
Ông Lê Đức Mạnh	114.000.000.000	38%	114.000.000.000
Ông Nguyễn Minh Hoàng	105.000.000.000	35%	105.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	12.000.000.000	4%	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>300.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>300.000.000.000</u>

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	163.906.748.634	155.395.986.045
TỔNG CỘNG	<u>163.906.748.634</u>	<u>155.395.986.045</u>

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.184.509.163	3.692.385.587
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	240.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>1.424.509.163</u>	<u>3.692.385.587</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	3.782.684.146	3.878.767.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.330.162.776	46.212.692.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.337.463.098	7.001.454.351
Chi phí khác	3.287.665.619	2.488.028.233
TỔNG CỘNG	60.737.975.639	59.580.942.646

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.692.826.280	46.595.184.273
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	14.723.473.375	-
Lỗ từ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	4.689.392.425	-
TỔNG CỘNG	56.105.692.080	46.595.184.273

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.267.575.145	1.080.882.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.886.712	94.886.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	648.990.153	1.646.334.995
Chi phí khác bằng tiền	283.639.122	463.133.690
TỔNG CỘNG	2.295.091.132	3.285.238.210

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	5.050.259.291	4.959.650.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.425.049.488	46.307.579.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.986.453.251	8.647.789.346
Chi phí khác	3.571.304.741	2.951.161.923
TỔNG CỘNG	63.033.066.771	62.866.180.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") 10% áp dụng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh điện trong vòng 15 năm kể từ thời điểm dự án bắt đầu hoạt động (là năm 2019). Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện. Hết thời hạn hưởng ưu đãi thuế, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN theo các quy định hiện hành. Theo đó, thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năm 2024 là 10% (năm 2023:10%) và Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.245.278.586	3.054.811.968
TỔNG CỘNG	2.245.278.586	3.054.811.968

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.425.019.674	49.610.320.582
Thuế TNDN theo thuế suất 10% áp dụng cho Công ty	4.642.501.967	4.624.474.687
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	-	673.114.742
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN:		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	125.158.336
Chi phí không được khấu trừ khác	16.046.571	13.761.429
Chi phí lãi vay không được khấu trừ năm trước được chuyển sang năm nay	(167.991.366)	
Chi phí thuế TNDN được miễn, giảm	(2.245.278.586)	(2.381.697.226)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.245.278.586	3.054.811.968

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Chi phí lãi vay không được khấu trừ

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ theo nghị định 132/2020/NĐ-CP sang kỳ tính thuế tiếp theo trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể khấu trừ đến năm	Chi phí lãi vay không được khấu trừ khi tính thuế	Đã khấu trừ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	Không được khấu trừ	Chưa khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2022	2027	5.718.387.949	(1.429.596.987)	-	4.288.790.962
2023	2028	1.251.583.358	(250.316.672)	-	1.001.266.686
TỔNG CỘNG		6.969.971.307	(1.679.913.659)	-	5.290.057.648

Chi phí lãi vay không được khấu trừ chuyển sang được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các kỳ tài chính trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Lê Đức Mạnh
Ông Nguyễn Minh Hoàng
Ông Đào Xuân Hải

Cổ đông lớn/Chủ tịch HĐQT
Cổ đông lớn/Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT/Giám đốc

Trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm:

		Đơn vị tính: VND	
	Mối quan hệ	Năm nay	Năm trước
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch HĐQT đến ngày 27 tháng 12 năm 2023	-	307.800.000
Ông Đào Xuân Hải	Thành viên HĐQT/Giám đốc	313.730.415	73.778.095
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT đến ngày 31 tháng 8 năm 2023 Giám đốc đến ngày 30 tháng 8 năm 2023	-	56.450.000
TỔNG CỘNG		313.730.415	438.028.095

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Thuận, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2025

 Trần Thị Thu Thủy Người lập	 Trần Thị Thu Thủy Kế toán trưởng	 Đào Xuân Hải Giám đốc
---	--	---

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH
(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 10)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (Sau đây gọi tắt là “**Luật Doanh nghiệp**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ này được soạn thảo và thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông ngày 17/07/2025.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hình thức, tên gọi và trụ sở Công ty

1. Công ty thuộc hình thức Công ty Cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Tên công ty:
Tên công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH**
Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: **SD TRƯỜNG THANH JOINT STOCK COMPANY**
Tên công ty viết tắt: **SD TRUONG THANH, JSC**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Điều 2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất điện	3511
2.	Truyền tải và phân phối điện	3512

Doanh nghiệp cam kết chỉ kinh doanh các ngành nghề khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Khi cần thiết Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật.

Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc công ty.

Trường hợp Công ty thấy cần thiết phải có thêm người đại diện theo pháp luật thì phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ và quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;
 - b) Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
5. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty
 - 5.1. Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
 - b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 5.2. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại mục 5.1 Điều này.

Điều 4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: **300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)**

Tổng số cổ phần: **30.000.000 cổ phần**

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Loại cổ phần:

- Cổ phần phổ thông: 30.000.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi: 0

Vốn điều lệ công ty được góp bằng tiền Việt Nam Đồng

Điều 5. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc tích lũy lợi nhuận mà Công ty thu được, các cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu gọi thêm các cổ đông mới, theo quy định của pháp luật.
2. Việc giảm vốn điều lệ công ty tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Các loại cổ phần

1. Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.
Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - a) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - b) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
3. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

- d) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
 - e) Sổ đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.
 3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan.

Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
- a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu

trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số cổ phần phổ thông.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:

a) Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 12. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu vào công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;

c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 13. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn bất cứ khi nào theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 14. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập

1. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.

Sau thời hạn nêu trên, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng.

3. Các hạn chế quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với cổ phần phổ thông sau đây:
 - a) Cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp;
 - b) Cổ phần đã được chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập.

Điều 15. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - b) Chào bán ra công chúng;
 - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty đại chúng và tổ chức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 16. Chào bán cổ phần riêng lẻ

1. Chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a) Không chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng;
 - b) Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
2. Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định sau đây:
 - a) Công ty quyết định phương án chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.;
 - b) Cổ đông của công ty thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 124 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp sáp nhập, hợp nhất công ty;
 - c) Trường hợp cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không mua hết thì số cổ phần còn lại được bán cho người khác theo phương án chào bán cổ phần riêng lẻ với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
3. Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần chào bán theo quy định tại Điều này phải làm thủ tục về mua cổ phần theo quy định của Luật Đầu tư.

Điều 17. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.
2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng được thực hiện như sau:
 - a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;
 - b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;
 - c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật chứng khoán có quy định khác.
4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.
5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

Điều 18. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;

3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.
6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

Điều 20. Chào bán trái phiếu riêng lẻ

1. Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, và quy định khác của pháp luật có liên quan. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng, các tổ chức khác và chào bán trái phiếu ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng là chào bán không thông qua phương tiện thông tin đại chúng cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ như sau:
 - a) Nhà đầu tư chiến lược đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và trái phiếu kèm theo chứng quyền riêng lẻ;
 - b) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán.

3. Công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán và đã đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

b) Có báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán;

c) Bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định pháp luật;

c1) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán; trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trình tự, thủ tục chào bán và chuyển nhượng trái phiếu riêng lẻ

1. Công ty quyết định phương án chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Công ty công bố thông tin trước mỗi đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và thông báo đợt chào bán cho sở giao dịch chứng khoán ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu.
3. Công ty công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và thông báo kết quả đợt chào bán đến sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu.
4. Trái phiếu phát hành riêng lẻ được chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện về đối tượng mua trái phiếu riêng lẻ quy định tại khoản 2 Điều 128 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, phán quyết của Trọng tài có hiệu lực hoặc thừa kế theo quy định pháp luật.
5. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán, Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

Điều 22. Quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ

1. Công ty quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu.

2. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 23. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 24. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 25. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - a) Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ

phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 26. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 27. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật
 - c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
 - a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
 - d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 28. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp, cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 29. Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần

Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát.

Điều 30. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 32. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.
6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 33. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 34. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị qui định tại khoản 2 điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị qui định tại khoản 2 điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp qui định tại khoản

3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 35. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết;
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 36. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo qui định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 38. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo qui định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b) Thông qua định hướng phát triển công ty;
 - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 40. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này;
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty ;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 41. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo qui định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.
Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chủ toạ và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng
 - h) Tổng số cổ phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - k) Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 43. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật.

Điều 44. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 45. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - f) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - h) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - i) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - j) Quyết định các vấn đề về hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty con.
 - k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm

cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 46. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 3-11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 47. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
 - d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 48. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị
 - e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 49. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
6. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày

dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 50. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua Biên bản họp ký và có đầy đủ

nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 51. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 53. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 54. Giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - f) Tuyển dụng lao động;
 - g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 56. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ ba đến năm thành viên; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty, bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
10. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 59. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 60. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Chương III: TÀI CHÍNH

Điều 62. Báo cáo tài chính

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
2. Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại Hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 63. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c) Giám đốc được trả tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 64. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10 % vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 65. Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên

Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:



10/01/2017
CỔ
CỔ
: 1
JN
/ LA

1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 66. Thẻ lệ quyết toán, trả cổ tức và phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động bắt đầu từ ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày ra hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và tới các cơ quan khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.
2. Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận. Lợi nhuận được phân phối như sau: Hàng năm, sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty trích từ lợi nhuận sau Thuế để lập các Quỹ sau đây:

Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ: 10%

Quỹ phát triển kinh doanh: 5%

Quỹ khen thưởng phúc lợi: 3%

Các quỹ khác theo quy định của pháp luật: 2%

Phần còn lại chia theo tỷ lệ vốn góp

Các tỷ lệ này có thể thay đổi theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Trả cổ tức của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.
4. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

Trường hợp quyết toán năm tài chính năm bị lỗ, Đại hội đồng cổ đông công ty được quyết định theo các hướng sau: Trích quỹ dự trữ để bù; Chuyển sang năm sau để bù vào lợi nhuận của năm tài chính sau trước khi phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG IV: GIẢI THỂ

Điều 67. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 68. Thủ tục giải thể và thanh lý tài sản trong doanh nghiệp

1. Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
 - b) Lý do giải thể;
 - c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - d) Phương án xử lý và các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
2. Công ty thực hiện thanh lý tài sản doanh nghiệp theo trình tự sau:

Bước 1: Đại hội đồng cổ đông ra quyết định thanh lý tài sản công ty

Bước 2: Thành lập Hội đồng thanh lý tài sản bao gồm các thành viên trong công ty. Hội đồng thanh lý tài sản có nhiệm vụ thống kê lại số lượng, phân loại tài sản, thu thập các giấy tờ liên quan đến tài sản; kiểm tra đánh giá chất lượng còn lại của tài sản, từ đó xác định giá trị tài sản. Và tổ chức, thực hiện việc thanh lý tài sản.

Bước 3: Kiểm tra, đánh giá chất lượng và giá trị còn lại của tài sản: Dựa trên đánh giá chất lượng còn lại, Hội đồng thanh lý cần xác định giá trị còn lại của tài sản. Sau đó, lựa chọn hình thức thanh lý đối với từng loại tài sản.

Bước 4: Bán tài sản: Tùy từng loại tài sản cũng như hình thức bán tài sản cần phải tuân thủ theo quy định của pháp luật tương ứng: Luật Doanh nghiệp, luật dân sự, luật thương mại và luật đấu giá tài sản. Hội đồng thanh lý tài sản có thể thành lập tổ bán tài sản, hoặc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trường hợp thực hiện bán đấu giá tài sản. Sau khi hoàn tất

việc bán tài sản, khoản thu từ hoạt động thanh lý tài sản sẽ được dùng để thực hiện thanh toán khoản nợ và nghĩa vụ tài chính còn lại của doanh nghiệp giải thể (nếu có). Phần còn lại sau khi thực hiện xong nghĩa vụ và hoàn tất thanh toán khoản nợ, sẽ được chia cho các thành viên công ty theo tỷ lệ phần vốn góp

3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có).

5. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- b) Nợ thuế
- c) Các khoản nợ khác.

6. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

7. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

8. Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

9. Công ty tuân thủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp.

Điều 69. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể

Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây:

- Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

- Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
- Ký kết hợp đồng mới trừ trường hợp để thực hiện giải thể doanh nghiệp;
- Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Điều 70. Phá sản doanh nghiệp

1. Phá sản là tình trạng của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản.
2. Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp phát sinh đều được giải quyết thông qua con đường thương lượng, hòa giải.
2. Trong trường hợp các bên không thống nhất hòa giải được thì có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 72. Dấu của công ty

1. Công ty có quyền quyết định về loại dấu, hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Công ty có 02 dấu: 01 dấu bằng chữ ký số điện tử và 01 con dấu được khắc tại cơ sở khắc dấu.

a) Dấu bằng chữ ký số điện tử được sử dụng trong các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Con dấu của công ty:

Hình thức con dấu: Hình tròn, mực màu đỏ

Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp;
 - b) Mã số doanh nghiệp;
 - c) Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.
2. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.
 3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu giao cho người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.
5. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại Tòa án hoặc trọng tài.

Điều 73. Điều khoản cuối cùng

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ này gồm 5 chương, 73 điều, đã được toàn thể các cổ đông hiện hữu của công ty thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 17/07/2015.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC
Số chứng thực: 2-2-8-0-0.....027/2025-CT/CS
Ngày: 26-12-2025
Người thực hiện chứng thực

Đào Xuân Hải



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN NGUYÊN TẮC
CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Số: 02/2024/TTNT/LDM-HIO

Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần (sau đây gọi tắt là "Thỏa Thuận") này được lập và ký kết ngày 24/07/2024 tại thành phố Hà Nội giữa Hai Bên gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: Ông LÊ ĐỨC MẠNH

CCCD số

Địa chỉ thường trú

(Sau đây gọi tắt là "Bên A")

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

GCN ĐKDN số : 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/04/2024

Trụ sở chính : Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại liên hệ : 024 32263333

Đại diện pháp luật : Ông Phan Thành Đạt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "Bên B")

Bên A, Bên B gọi riêng là "**Bên**", "**Mỗi Bên**" tùy văn cảnh và gọi chung là "**Hai Bên**".

Xét rằng:

- Bên A hiện là cổ đông của Công ty Cổ phần SD Trường Thành là chủ sở hữu hợp pháp của 11.400.000 (Bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm nghìn) cổ phần phổ thông, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần SD Trường Thành và có nhu cầu chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần nêu trên.
- Bên B có nhu cầu nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần nêu trên của Bên A tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

Sau khi bàn bạc, Hai Bên cùng thống nhất ký kết Thỏa Thuận này với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

Theo Thỏa Thuận này, Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành với những thông tin như sau:

1.1. Thông tin về Công ty Cổ phần SD Trường Thành:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/09/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/09/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ku Kê, Xã Thuận Minh, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần SD Trường Thành hiện là Chủ đầu tư của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 có công suất 50MWp, đi vào vận hành thương mại từ tháng 06/2019.

(Sau đây gọi tắt là "**Công Ty**").

1.2. Thông tin về cổ phần dự kiến chuyển nhượng:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng dự kiến: 6.795.102 cổ phần, tương đương 22,65 % vốn điều lệ Công Ty.

(Sau đây gọi tắt là "**Cổ Phần**").

Điều 2. Giá chuyển nhượng và thủ tục chuyển nhượng

- 2.1. Tổng giá trị chuyển nhượng dự kiến: Toàn bộ số Cổ Phần chuyển nhượng quy định tại Điều 1 Thỏa Thuận này tính toán theo giá chuyển nhượng là **80.188.998.702 VNĐ** (Bằng chữ: Tám mươi tỷ, một trăm tám mươi tám triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm linh hai đồng) tương đương giá chuyển nhượng là 11.801 đồng/cổ phần.
- 2.2. Khoản tiền mua Cổ Phần theo quy định tại Điều 1 của Thỏa Thuận này không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng Cổ Phần theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có). Vì vậy, Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí, lệ phí phát sinh này (nếu có) theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- 2.3. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên A trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức nhưng tối đa không quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thỏa Thuận này được ký kết.
- 2.4. Số Cổ Phần chuyển nhượng được nêu tại Điều 1 và Tổng giá trị chuyển nhượng được nêu tại Điều 2 của Thỏa Thuận này là số lượng, giá trị dự kiến. Hai Bên sẽ tiến hành thỏa thuận và quyết định số lượng cụ thể khi Hai Bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nhưng đảm bảo giá chuyển nhượng là 11.801 đồng/cổ phần.

Điều 3. Chuyển quyền sở hữu cổ phần

- 3.1. Bên A có nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển nhượng Cổ Phần nêu trên với Công ty theo đúng quy định pháp luật để chuyển quyền sở hữu toàn bộ số Cổ Phần chuyển nhượng quy định tại Điều 1 của Thỏa Thuận này cho Bên B;
- 3.2. Mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến số Cổ Phần chuyển nhượng đã phát sinh trước thời điểm Bên B thanh toán toàn bộ khoản tiền mua Cổ Phần cho Bên A sẽ do Bên A hưởng và chịu trách nhiệm thực hiện;
- 3.3. Kể từ thời điểm Bên A đã nhận được toàn bộ khoản tiền bán Cổ Phần theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến số cổ phần chuyển nhượng sẽ do Bên B hưởng và chịu trách nhiệm thực hiện.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 4.1. Thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng Cổ Phần theo quy định của pháp luật về chuyển nhượng cổ phần cho Bên B;
- 4.2. Được quyền yêu cầu Bên B ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức theo quy định tại Điều 2 của Thỏa Thuận này;
- 4.3. Chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng Cổ Phần theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- 4.4. Có quyền chấm dứt Thỏa Thuận này mà không phải bồi thường cho Bên B bất kỳ một khoản chi phí nào nếu Bên B vi phạm thỏa thuận tại Điều 2 và các quy định khác tại Thỏa Thuận này;
- 4.5. Bên A cam kết số Cổ Phần chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không thuộc đối tượng của bất kỳ tranh chấp nào. Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước Bên B, trước pháp luật, hoàn trả lại toàn bộ và bồi thường toàn bộ các thiệt hại cho Bên B trong trường hợp phát sinh các tranh chấp liên quan đến số Cổ Phần chuyển nhượng;
- 4.6. Cam kết không chào bán, giao dịch hoặc ký kết chuyển nhượng Cổ Phần của Bên A trong thời gian thực hiện Thỏa Thuận này;
- 4.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 5.1. Thực hiện ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức theo quy định tại Điều 2 của Thỏa Thuận này;
- 5.2. Yêu cầu Bên A thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến việc thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu Cổ Phần và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Thỏa Thuận này;
- 5.3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cam đoan của Hai Bên

Hai Bên cùng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung sau:

- 6.1. Những thông tin về cá nhân, tổ chức đã ghi trong Thỏa Thuận này là đúng sự thật;
- 6.2. Việc ký kết, tuân thủ các điều khoản được quy định trong Thỏa Thuận này không mâu thuẫn hoặc không dẫn đến sự vi phạm đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện hoặc quy định nào của bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng hoặc giao dịch khác;
- 6.3. Cam kết thực hiện Thỏa Thuận này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Thỏa Thuận này.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Thỏa Thuận này được giải thích và áp dụng bởi pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Thỏa Thuận này sẽ được Hai Bên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp các tranh chấp không được giải quyết qua thương lượng và hòa giải thì một trong Hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực và số bản của Thỏa Thuận

- 8.1. Thỏa Thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và là cơ sở để Hai Bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức.
- 8.2. Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến Thỏa Thuận này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản có chữ ký, đóng dấu đầy đủ của Hai Bên;
- 8.3. Thỏa Thuận này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B mỗi bên giữ 01 (một) bản để cùng nhau thực hiện.

Ngày: 26-12-2025

ĐẠI DIỆN BÊN A

Người thực hiện chứng thực

Lê Đức Mạnh



ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thành Đạt

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

**PHỤ LỤC THỎA THUẬN NGUYÊN TẮC
CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

Số: 01/2025/PLTTNT/LDM-HIO

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần số 02/2024/TTNT/LDM-HIO ký ngày 24/07/2024 (sau đây gọi tắt là "**Thỏa thuận**");
- Căn cứ nhu cầu của Hai Bên.

Phụ lục Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần (sau đây gọi tắt là "**Phụ lục**") này được lập và ký kết ngày 21/07/2025 tại thành phố Hà Nội giữa Hai Bên gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: Ông LÊ ĐỨC MẠNH

CCCD số

Địa chỉ liên lạc

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

GCN ĐKDN số : 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/04/2025.

Trụ sở chính : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ : 024 32263333

Đại diện pháp luật : Ông Phan Thành Đạt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Bên A, Bên B gọi riêng là "**Bên**", "**Mỗi Bên**" tùy văn cảnh và gọi chung là "**Hai Bên**".

Sau khi bàn bạc, Hai Bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục này với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Sửa đổi khoản 2.3 Điều 2 về Phương thức thanh toán như sau:

Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên A trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên



ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức nhưng tối đa không quá 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày Thỏa Thuận này được ký kết.

Điều 2. Cam kết chung

- 2.1. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và được coi là bộ phận không thể tách rời của Thỏa thuận. Những điều khoản khác tại Thỏa thuận không được đề cập tới trong Phụ lục này sẽ không thay đổi và vẫn được Hai Bên tiếp tục làm cơ sở để thực hiện.
- 2.2. Phụ lục này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để cùng nhau thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực:.....22803...Quản số:.....SCT/BS

Ngày: 26-12-2025

Người thực hiện chứng thực

Lê Đức Mạnh



ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Thanh Đạt

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh



THỎA THUẬN NGUYÊN TẮC
CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Số: 01/2024/TTNT/ĐXH-HIO

Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần (sau đây gọi tắt là "Thỏa Thuận") này được lập và ký kết ngày 24/07/2024 tại thành phố Hà Nội giữa Hai Bên gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: Ông ĐÀO XUÂN HẢI

CCCD số

Địa chỉ thường trú

(Sau đây gọi tắt là "Bên A")

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

GCN ĐKDN số : 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/04/2024

Trụ sở chính : Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại liên hệ : 024 32263333

Đại diện pháp luật : Ông Phan Thành Đạt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "Bên B")

Bên A, Bên B gọi riêng là "**Bên**", "**Mỗi Bên**" tùy văn cảnh và gọi chung là "**Hai Bên**".

Xét rằng:

- Bên A hiện là cổ đông của Công ty Cổ phần SD Trường Thành là chủ sở hữu hợp pháp của 6.900.000 (Bằng chữ: Sáu triệu chín trăm nghìn) cổ phần phổ thông, chiếm 23% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần SD Trường Thành và có nhu cầu chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần nêu trên.
- Bên B có nhu cầu nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần nêu trên của Bên A tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

Sau khi bàn bạc, Hai Bên cùng thống nhất ký kết Thỏa Thuận này với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

Theo Thỏa Thuận này, Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành với những thông tin như sau:

1.1. Thông tin về Công ty Cổ phần SD Trường Thành:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/09/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/09/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ku Kê, Xã Thuận Minh, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần SD Trường Thành hiện là Chủ đầu tư của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 có công suất 50MWp, đi vào vận hành thương mại từ tháng 06/2019.
(Sau đây gọi tắt là "**Công Ty**").

1.2. Thông tin về cổ phần dự kiến chuyển nhượng:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng dự kiến: 5.000.000 cổ phần, tương đương 16,67 % vốn điều lệ Công Ty.
(Sau đây gọi tắt là "**Cổ Phần**").

Điều 2. Giá chuyển nhượng và thủ tục chuyển nhượng

- 2.1. Tổng giá trị chuyển nhượng dự kiến: Toàn bộ số Cổ Phần chuyển nhượng quy định tại Điều 1 Thỏa Thuận này tính toán theo giá chuyển nhượng là **59.005.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: *Năm mươi chín tỷ, không trăm linh lăm triệu đồng*) tương đương giá chuyển nhượng là 11.801 đồng/cổ phần.
- 2.2. Khoản tiền mua Cổ Phần theo quy định tại Điều 1 của Thỏa Thuận này không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng Cổ Phần theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có). Vì vậy, Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí, lệ phí phát sinh này (nếu có) theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- 2.3. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên A trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức nhưng tối đa không quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thỏa Thuận này được ký kết.
- 2.4. Số Cổ Phần chuyển nhượng được nêu tại Điều 1 và Tổng giá trị chuyển nhượng được nêu tại Điều 2 của Thỏa Thuận này là số lượng, giá trị dự kiến. Hai Bên sẽ tiến hành thỏa thuận và quyết định số lượng cụ thể khi Hai Bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nhưng đảm bảo giá chuyển nhượng là 11.801 đồng/cổ phần.

Điều 3. Chuyển quyền sở hữu cổ phần

- 3.1. Bên A có nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển nhượng Cổ Phần nêu trên với Công ty theo đúng quy định pháp luật để chuyển quyền sở hữu toàn bộ số Cổ Phần chuyển nhượng quy định tại Điều 1 của Thỏa Thuận này cho Bên B;
- 3.2. Mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến số Cổ Phần chuyển nhượng đã phát sinh trước thời điểm Bên B thanh toán toàn bộ khoản tiền mua Cổ Phần cho Bên A sẽ do Bên A hưởng và chịu trách nhiệm thực hiện;
- 3.3. Kể từ thời điểm Bên A đã nhận được toàn bộ khoản tiền bán Cổ Phần theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến số cổ phần chuyển nhượng sẽ do Bên B hưởng và chịu trách nhiệm thực hiện.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 4.1. Thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng Cổ Phần theo quy định của pháp luật về chuyển nhượng cổ phần cho Bên B;
- 4.2. Được quyền yêu cầu Bên B ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức theo quy định tại Điều 2 của Thỏa Thuận này;
- 4.3. Chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng Cổ Phần theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- 4.4. Có quyền chấm dứt Thỏa Thuận này mà không phải bồi thường cho Bên B bất kỳ một khoản chi phí nào nếu Bên B vi phạm thỏa thuận tại Điều 2 và các quy định khác tại Thỏa Thuận này;
- 4.5. Bên A cam kết số Cổ Phần chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không thuộc đối tượng của bất kỳ tranh chấp nào. Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước Bên B, trước pháp luật, hoàn trả lại toàn bộ và bồi thường toàn bộ các thiệt hại cho Bên B trong trường hợp phát sinh các tranh chấp liên quan đến số Cổ Phần chuyển nhượng;
- 4.6. Cam kết không chào bán, giao dịch hoặc ký kết chuyển nhượng Cổ Phần của Bên A trong thời gian thực hiện Thỏa Thuận này;
- 4.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 5.1. Thực hiện ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức theo quy định tại Điều 2 của Thỏa Thuận này;
- 5.2. Yêu cầu Bên A thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến việc thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu Cổ Phần và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Thỏa Thuận này;
- 5.3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cam đoan của Hai Bên

Hai Bên cùng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung sau:

- 6.1. Những thông tin về cá nhân, tổ chức đã ghi trong Thỏa Thuận này là đúng sự thật;
- 6.2. Việc ký kết, tuân thủ các điều khoản được quy định trong Thỏa Thuận này không mâu thuẫn hoặc không dẫn đến sự vi phạm đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện hoặc quy định nào của bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng hoặc giao dịch khác;
- 6.3. Cam kết thực hiện Thỏa Thuận này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Thỏa Thuận này.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Thỏa Thuận này được giải thích và áp dụng bởi pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Thỏa Thuận này sẽ được Hai Bên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp các tranh chấp không được giải quyết qua thương lượng và hòa giải thì một trong Hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực và số bản của Thỏa Thuận

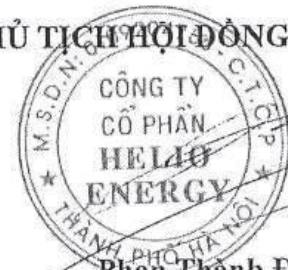
- 8.1. Thỏa Thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và là cơ sở để Hai Bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức.
- 8.2. Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến Thỏa Thuận này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản có chữ ký, đóng dấu đầy đủ của Hai Bên;
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2.2.8.8.5...02 và 260.2.5SCT/BS
- 8.3. Thỏa Thuận này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B mỗi bên giữ 01 (một) bản để cùng nhau thực hiện.
Ngày: 26-12-2025
Người thực hiện chứng thực

ĐẠI DIỆN BÊN A



Đào Xuân Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Thanh Đạt

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Như Quỳnh

**PHỤ LỤC THỎA THUẬN NGUYÊN TẮC
CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

Số: 01/2025/PLTTNT/ĐXH-HIO

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/TTNT/ĐXH-HIO ký ngày 24/07/2024 (sau đây gọi tắt là “**Thỏa thuận**”);
- Căn cứ nhu cầu của Hai Bên.

Phụ lục Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần (sau đây gọi tắt là “**Phụ lục**”) này được lập và ký kết ngày 21/07/2025 tại thành phố Hà Nội giữa Hai Bên gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: Ông ĐÀO XUÂN HẢI

CCCD số

Địa chỉ liên lạc

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**”)

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

GCN ĐKDN số : 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/04/2025.

Trụ sở chính : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ : 024 32263333

Đại diện pháp luật : Ông Phan Thành Đạt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**”)

Bên A, Bên B gọi riêng là “**Bên**”, “**Mỗi Bên**” tùy văn cảnh và gọi chung là “**Hai Bên**”.

Sau khi bàn bạc, Hai Bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục này với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Sửa đổi khoản 2.3 Điều 2 về Phương thức thanh toán như sau:

Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên A trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên

ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức nhưng tối đa không quá 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày Thỏa Thuận này được ký kết.

Điều 2. Cam kết chung

- 2.1. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và được coi là bộ phận không thể tách rời của Thỏa thuận. Những điều khoản khác tại Thỏa thuận không được đề cập tới trong Phụ lục này sẽ không thay đổi và vẫn được Hai Bên tiếp tục làm cơ sở để thực hiện.
- 2.2. Phụ lục này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để cùng nhau thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

HUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2-2-8-8-5-02/2025
Ngày: 26-12-2025
Người thực hiện chứng thực
Đào Xuân Hải
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN
HELIO ENERGY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Phan Thành Đạt



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỎA THUẬN NGUYÊN TẮC
CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

Số: 03/2024/TTNT/NMH-HIO

Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần (sau đây gọi tắt là "Thỏa Thuận") này được lập và ký kết ngày 24/07/2024 tại thành phố Hà Nội giữa Hai Bên gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: Ông NGUYỄN MINH HOÀNG

CCCD số

Địa chỉ thường trú

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

GCN ĐKDN số : 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/04/2024

Trụ sở chính : Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại liên hệ : 024 32263333

Đại diện pháp luật : Ông Phan Thành Đạt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

Bên A, Bên B gọi riêng là "**Bên**", "**Mỗi Bên**" tùy văn cảnh và gọi chung là "**Hai Bên**".

Xét rằng:

- Bên A hiện là cổ đông của Công ty Cổ phần SD Trường Thành là chủ sở hữu hợp pháp của 10.500.000 (Bằng chữ: Mười triệu năm trăm nghìn) cổ phần phổ thông, chiếm 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần SD Trường Thành và có nhu cầu chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần nêu trên.
- Bên B có nhu cầu nhận chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số cổ phần nêu trên của Bên A tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

Sau khi bàn bạc, Hai Bên cùng thống nhất ký kết Thỏa Thuận này với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

Theo Thỏa Thuận này, Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành với những thông tin như sau:

1.1. Thông tin về Công ty Cổ phần SD Trường Thành:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/09/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/09/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp.
 - Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ku Kê, Xã Thuận Minh, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
 - Công ty Cổ phần SD Trường Thành hiện là Chủ đầu tư của Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 có công suất 50MWp, đi vào vận hành thương mại từ tháng 06/2019.
- (Sau đây gọi tắt là "**Công Ty**").

1.2. Thông tin về cổ phần dự kiến chuyển nhượng:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.
 - Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông.
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Tổng số cổ phần chuyển nhượng dự kiến: 6.000.000 cổ phần, tương đương 20 % vốn điều lệ Công Ty.
- (Sau đây gọi tắt là "**Cổ Phần**").

Điều 2. Giá chuyển nhượng và thủ tục chuyển nhượng

- 2.1. Tổng giá trị chuyển nhượng dự kiến: Toàn bộ số Cổ Phần chuyển nhượng quy định tại Điều 1 Thỏa Thuận này tính toán theo giá chuyển nhượng là **70.806.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ, tám trăm linh sáu triệu đồng) tương đương giá chuyển nhượng là 11.801 đồng/cổ phần.
- 2.2. Khoản tiền mua Cổ Phần theo quy định tại Điều 1 của Thỏa Thuận này không bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng Cổ Phần theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước (nếu có). Vì vậy, Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí, lệ phí phát sinh này (nếu có) theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- 2.3. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên A trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức nhưng tối đa không quá 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thỏa Thuận này được ký kết.
- 2.4. Số Cổ Phần chuyển nhượng được nêu tại Điều 1 và Tổng giá trị chuyển nhượng được nêu tại Điều 2 của Thỏa Thuận này là số lượng, giá trị dự kiến, Hai Bên sẽ tiến hành thỏa thuận và quyết định số lượng cụ thể khi Hai Bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nhưng đảm bảo giá chuyển nhượng là 11.801 đồng/cổ phần.

Điều 3. Chuyển quyền sở hữu cổ phần

- 3.1. Bên A có nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển nhượng Cổ Phần nêu trên với Công ty theo đúng quy định pháp luật để chuyển quyền sở hữu toàn bộ số Cổ Phần chuyển nhượng quy định tại Điều 1 của Thỏa Thuận này cho Bên B;
- 3.2. Mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến số Cổ Phần chuyển nhượng đã phát sinh trước thời điểm Bên B thanh toán toàn bộ khoản tiền mua Cổ Phần cho Bên A sẽ do Bên A hưởng và chịu trách nhiệm thực hiện;
- 3.3. Kể từ thời điểm Bên A đã nhận được toàn bộ khoản tiền bán Cổ Phần theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần thì mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến số cổ phần chuyển nhượng sẽ do Bên B hưởng và chịu trách nhiệm thực hiện.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 4.1. Thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển nhượng Cổ Phần theo quy định của pháp luật về chuyển nhượng cổ phần cho Bên B;
- 4.2. Được quyền yêu cầu Bên B ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức theo quy định tại Điều 2 của Thỏa Thuận này;
- 4.3. Chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng Cổ Phần theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- 4.4. Có quyền chấm dứt Thỏa Thuận này mà không phải bồi thường cho Bên B bất kỳ một khoản chi phí nào nếu Bên B vi phạm thỏa thuận tại Điều 2 và các quy định khác tại Thỏa Thuận này;
- 4.5. Bên A cam kết số Cổ Phần chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình, không thuộc đối tượng của bất kỳ tranh chấp nào. Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước Bên B, trước pháp luật, hoàn trả lại toàn bộ và bồi thường toàn bộ các thiệt hại cho Bên B trong trường hợp phát sinh các tranh chấp liên quan đến số Cổ Phần chuyển nhượng;
- 4.6. Cam kết không chào bán, giao dịch hoặc ký kết chuyển nhượng Cổ Phần của Bên A trong thời gian thực hiện Thỏa Thuận này;
- 4.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 5.1. Thực hiện ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức theo quy định tại Điều 2 của Thỏa Thuận này;
- 5.2. Yêu cầu Bên A thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến việc thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu Cổ Phần và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Thỏa Thuận này;
- 5.3. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cam đoan của Hai Bên

Hai Bên cùng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung sau:

042

IG T
PHÍ
LI
ER

PHỖ

2-C.T.H
HỒNG
CHỨNG
VIỆT
ET - T.P.H.A.

- 6.1. Những thông tin về cá nhân, tổ chức đã ghi trong Thỏa Thuận này là đúng sự thật;
- 6.2. Việc ký kết, tuân thủ các điều khoản được quy định trong Thỏa Thuận này không mâu thuẫn hoặc không dẫn đến sự vi phạm đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện hoặc quy định nào của bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng hoặc giao dịch khác;
- 6.3. Cam kết thực hiện Thỏa Thuận này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc, thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Thỏa Thuận này.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Thỏa Thuận này được giải thích và áp dụng bởi pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Thỏa Thuận này sẽ được Hai Bên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp các tranh chấp không được giải quyết qua thương lượng và hòa giải thì một trong Hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực và số bản của Thỏa Thuận

- 8.1. Thỏa Thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và là cơ sở để Hai Bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức.
- 8.2. Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản liên quan đến Thỏa Thuận này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản có chữ ký, đóng dấu đầy đủ của Hai Bên.
- 8.3. Thỏa Thuận này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B mỗi bên giữ 01 (một) bản để cùng nhau thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Minh Hoàng



Người thực hiện chứng đạt

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thành Đạt

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Như Quỳnh



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC THỎA THUẬN NGUYÊN TẮC
CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

Số: 01/2025/PLTTNT/NMH-HIO

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần số 03/2024/TTNT/NMH-HIO ký ngày 24/07/2024 (sau đây gọi tắt là “Thỏa thuận”);
- Căn cứ nhu cầu của Hai Bên.

Phụ lục Thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần (sau đây gọi tắt là “Phụ lục”) này được lập và ký kết ngày 21/07/2025 tại thành phố Hà Nội giữa Hai Bên gồm:

I. BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: Ông NGUYỄN MINH HOÀNG

CCCD số

Địa chỉ liên lạc

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

II. BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

GCN ĐKDN số : 0109204756 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/04/2025.

Trụ sở chính : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ : 024 32263333

Đại diện pháp luật : Ông Phan Thành Đạt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Bên A, Bên B gọi riêng là “Bên”, “Mỗi Bên” tuy vẫn cảnh và gọi chung là “Hai Bên”.

Sau khi bàn bạc, Hai Bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục này với các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Sửa đổi khoản 2.3 Điều 2 về Phương thức thanh toán như sau:

Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo chỉ định của Bên A trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hai Bên

ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần chính thức nhưng tối đa không quá 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày Thỏa Thuận này được ký kết.

Điều 2. Cam kết chung

- 2.1. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và được coi là bộ phận không thể tách rời của Thỏa thuận. Những điều khoản khác tại Thỏa thuận không được đề cập tới trong Phụ lục này sẽ không thay đổi và vẫn được Hai Bên tiếp tục làm cơ sở để thực hiện.
- 2.2. Phụ lục này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A và Bên B Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để cùng nhau thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Minh Hoàng

ĐẠI DIỆN BÊN B

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thành Đạt

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 22881 02/2025

Ngày: 26-12-2025

Người thực hiện chứng thực



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh



CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH
Địa chỉ: Ku Kê, Thuận Minh, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận

BẢN SAO

---o0o---

GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN

Tên Công ty: Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Trụ sở chính: Thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0107998006 do Phòng Đăng ký kinh doanh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH

Chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty như sau:

Tên cổ đông : Đào Xuân Hải

CCCD số

Địa chỉ

Số lượng cổ phần : 6.600.000 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng giá trị theo mệnh giá: 66.000.000.000 đồng (Đào Xuân Hải, Sáu mươi sáu tỷ đồng)

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Trong đó: + Số lượng cổ phần được chuyển nhượng: 6.600.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần hiện chứng nhận: 0 cổ phần

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Bình Thuận, ngày 25 tháng 12 năm 2023
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

CÔNG CHỨNG VIỆN
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Xuân Hải

Số: 18A/2023/GCN/SDTT

Lưu ý: - Giấy chứng nhận này có giá trị để xác nhận và theo dõi cổ đông.
- Giữ gìn Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cẩn thận, không làm rách, hư hỏng, nhòe, mờ. Giấy chứng nhận này có thể bị coi là vô hiệu do bất kỳ hư hỏng nào. Phải báo ngay cho Công ty bằng văn bản trong thời gian sớm nhất trong trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất hoặc hư hỏng.

GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN

Tên Công ty: Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Trụ sở chính: Thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0107998006 do Phòng Đăng ký kinh doanh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH

Chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty như sau:

Tên cổ đông : Đào Xuân Hải

CCCD số

Địa chỉ

Số lượng cổ phần : 300.000 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng giá trị theo mệnh giá: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Trong đó: + Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 300.000 cổ phần

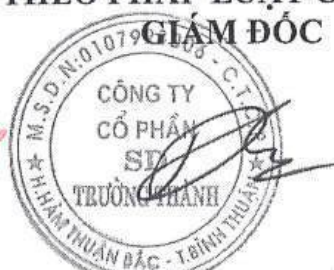
+ Số lượng cổ phần không được chuyển nhượng: 0 cổ phần

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Bình Thuận, ngày 26 tháng 06 năm 2024
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC



Đào Xuân Hải

Số: 25/2024/GCN/SDTT

Lưu ý: - Giấy chứng nhận này có giá trị để xác nhận và theo dõi cổ đông.
- Giữ gìn Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cẩn thận, không làm rách, hư hỏng, nhòe, mờ. Giấy chứng nhận này có thể bị coi là vô hiệu do bất kỳ hư hỏng nào. Phải báo ngay cho Công ty bằng văn bản trong thời gian sớm nhất trong trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất hoặc hư hỏng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH
Địa chỉ: Ku Kê, Thuận Minh, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận

---000---

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN

Tên Công ty: Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Trụ sở chính: Thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0107998006 do Phòng Đăng ký kinh doanh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH

Chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty như sau:

Tên cổ đông : Nguyễn Minh Hoàng

CCCD số

Địa chỉ

Số lượng cổ phần : 10.500.000 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng giá trị theo mệnh giá: 105.000.000.000 đồng (một trăm linh năm tỷ đồng)

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Trong đó: + Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 10.500.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Bình Thuận, ngày 26 tháng 12 năm 2023
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Xuân Hải

Số: 24 /2023/GCN/SDTT

Lưu ý: - Giấy chứng nhận này có giá trị để xác nhận và theo dõi cổ đông.
- Giữ gìn Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cẩn thận, không làm rách, hư hỏng, nhòe, mờ. Giấy chứng nhận này có thể bị coi là vô hiệu do bất kỳ hư hỏng nào. Phải báo ngay cho Công ty bằng văn bản trong thời gian sớm nhất trong trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất hoặc hư hỏng.

GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN

Tên Công ty: Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Trụ sở chính: Thôn Ku Kê, xã Thuận Minh, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0107998006 do Phòng Đăng ký kinh doanh
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN SD TRƯỜNG THÀNH

Chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty như sau:

Tên cổ đông : Lê Đức Mạnh

CCCD số

Địa chỉ

Số lượng cổ phần : 900.000 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng giá trị theo mệnh giá: 9.000.000.000 đồng (Bảng chữ Chín tỷ đồng)

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Trong đó: + Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 900.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Bình Thuận, ngày 26 tháng 12 năm 2023
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Xuân Hải

Số: 22B/2023/GCN/SDTT

Lưu ý: - Giấy chứng nhận này có giá trị để xác nhận và theo dõi cổ đông.
- Giữ gìn Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cẩn thận, không làm rách, hư hỏng, nhòe, mờ. Giấy chứng nhận này có thể bị coi là vô hiệu do bất kỳ hư hỏng nào. Phải báo ngay cho Công ty bằng văn bản trong thời gian sớm nhất trong trường hợp Giấy chứng nhận này bị mất hoặc hư hỏng.

CÔNG TY CỔ PHẦN
SD TRƯỜNG THÀNHCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 47./2024/CV-SDTT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2024

V/v Xác nhận số lượng cổ phần và tỷ lệ
sở hữu cổ phần của 03 cổ đông Công ty
tại các thời điểm.

Kính gửi: Công ty Cổ phần Helio Energy

Công ty Cổ phần SD Trường Thành (sau đây gọi là “**Chúng Tôi**”) xin gửi lời chào trân
trọng đến Quý Công ty.

Phúc đáp đề nghị của Quý Công ty, Chúng tôi làm văn bản này để xác nhận số lượng cổ
phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của 03 (ba) cổ đông tại các thời điểm như sau:

STT	Tên cổ đông	Thời điểm	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần có hiệu lực
1	Ông Lê Đức Mạnh	26/12/2023	12.000.000 cổ phần	+ 22A/2023/GCN/SDTT ngày 26/12/2023: 11.100.000 cổ phần.
		31/12/2023		+ 22B/2023/GCN/SDTT ngày 26/12/2023: 900.000 cổ phần.
		18/06/2024	11.400.000 cổ phần	+ 24/2024/GCN/SDTT ngày 18/06/2024: 10.500.000 cổ phần.
		24/07/2024		+ 22B/2023/GCN/SDTT ngày 26/12/2023: 900.000 cổ phần.
		Hiện tại		
2	Ông Nguyễn Minh Hoàng	26/12/2023	10.500.000 cổ phần	+ 21/2023/GCN/SDTT ngày 26/12/2023: 10.500.000 cổ phần.
		31/12/2023		
		24/07/2024		
		Hiện tại		
3	Ông Đào Xuân Hải	25/12/2023	7.500.000 cổ phần	+ 18A/2023/GCN/SDTT ngày 25/12/2023: 6.600.000 cổ phần.
		31/12/2023		+ 18B/2023/GCN/SDTT ngày 25/12/2023: 900.000 cổ phần.
		26/06/2024		+ 25/2024/GCN/SDTT ngày 26/06/2024: 300.000 cổ phần.
		24/07/2024		
		Hiện tại		

Trên đây là xác nhận của Chúng tôi về số số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của
03 (ba) cổ đông gồm ông Lê Đức Mạnh, Ông Nguyễn Minh Hoàng, Ông Đào Xuân Hải.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHẤM ĐÓC

CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Thị Như Quỳnh



Đào Xuân Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN
SD TRƯỜNG THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 46./2025/CV-SDTT

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

V/v Xác nhận số lượng cổ phần và tỷ lệ
sở hữu cổ phần của 03 cổ đông Công ty
tại các thời điểm.

Kính gửi: Công ty Cổ phần Helio Energy

Công ty Cổ phần SD Trường Thành (sau đây gọi là “**Chúng Tôi**”) xin gửi lời chào trân
trọng đến Quý Công ty.

Phúc đáp đề nghị của Quý Công ty, Chúng tôi làm văn bản này để xác nhận số lượng
cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của 03 (ba) cổ đông tại thời điểm hiện tại - ngày
23/10/2025 như sau:

STT	Tên cổ đông	Thời điểm	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần có hiệu lực
1	Ông Lê Đức Mạnh	23/10/2025	11.400.000 cổ phần	+ 24/2024/GCN/SDTT ngày 18/06/2024: 10.500.000 cổ phần. + 22B/2023/GCN/SDTT ngày 26/12/2023: 900.000 cổ phần.
2	Ông Nguyễn Minh Hoàng		10.500.000 cổ phần	+ 21/2023/GCN/SDTT ngày 26/12/2023: 10.500.000 cổ phần.
3	Ông Đào Xuân Hải		6.900.000 cổ phần	+ 18A/2023/GCN/SDTT ngày 25/12/2023: 6.600.000 cổ phần. + 25/2024/GCN/SDTT ngày 26/06/2024: 300.000 cổ phần

Trên đây là xác nhận của Chúng tôi về số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần của
03 (ba) cổ đông gồm ông Lê Đức Mạnh, Ông Nguyễn Minh Hoàng, Ông Đào Xuân Hải.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Người thực hiện chứng thực

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Như Quỳnh

NHÀ NƯỚC